

NỘI DUNG TỰ HỌC SINH HỌC 7 HK2 TỪ 3/2 ĐẾN 29/2

Hướng dẫn:

- HS đọc thông tin của mỗi bài trong Sgk và nội dung giáo viên cung cấp.
- Hoàn thành yêu cầu của mỗi bài (nếu có).
- Đối với yêu cầu Bài 45. THỰC HÀNH: tìm kiếm đoạn phim trên máy tính hay điện thoại, thấy yêu thích lưu lại, sau đó viết dàn ý mà mình muốn rồi viết bài luận.
Vừa đọc, vừa học, vừa làm, vừa thư giãn nghỉ ngơi hợp lí.

LỚP BỒ SÁT

Tiết 40. Bài 38. THẦN LẦN BÓNG ĐUÔI DÀI

I. Đời sống

- Môi trường sống: Trên cạn
- Đời sống:
 - + Sống nơi khô ráo, thích phơi nắng
 - + Ăn sâu bọ
 - + Có tập tính trú đông
 - + Là động vật biến nhiệt
- Sinh sản
 - + Thụ tinh trong
 - + Trứng có vỏ dai, nhiều noãn hoàng, phát triển trực tiếp.

II. Cấu tạo ngoài và sự di chuyển

1. Cấu tạo ngoài

- Hoàn thành bảng trong SGK tr.125.
- Đặc điểm cấu tạo ngoài của thần lằn thích nghi đời sống ở cạn (Bảng trong SGK tr.125 đã hoàn chỉnh)
- * GV yêu cầu HS làm bài tập: Hãy lựa chọn những mục tương ứng của cột A ứng với cột B trong bảng:

| Cột A | Cột B |
|-------------------------------------|---|
| 1. Da khô, có vảy sừng bao bọc. | a. Tham gia vào sự di chuyển trên cạn. |
| 2. Đầu có cổ dài. | b. Bảo vệ mắt, có nước mắt để màng mắt không bị khô. |
| 3. Mắt có mí cử động. | c. Ngăn cản sự thoát hơi nước. |
| 4- Màng nhĩ nằm ở hốc nhỏ trên đầu. | d. Phát huy được các giác quan, tạo điều kiện bắt mồi dễ dàng |
| 5. Bàn chân 5 ngón có vuốt. | e. Bảo vệ màng nhĩ, hướng âm thanh vào màng nhĩ. |

2. Di chuyển

Khi di chuyển thân và đuôi tì vào đất, cử động uốn thân phối hợp với các chi giúp thần lằn tiến lên phía trước.

Tiết 41. Bài 39. CẤU TẠO TRONG CỦA THẦN LẦN

I. Bộ xương

Bộ xương gồm:

- Xương đầu
- Cột sống có các xương sườn
- Xương chi có xương đai và các xương chi.

II. Các cơ quan dinh dưỡng

1. Hệ tiêu hóa

- Ống tiêu hoá phân hoá rõ.
- Ruột già có khả năng hấp thụ lại nước.

2. Hệ tuần hoàn và hệ hô hấp

- Tuần hoàn:
 - + Tim 3 ngăn (2 tâm nhĩ và 1 tâm thất)
 - + Hai vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể ít bị pha hơn.
- Hô hấp:
 - + Phổi có nhiều vách ngăn.
 - + Sự thông khí nhờ xuất hiện của các cơ giữa sườn.

3. Hệ bài tiết

- Thận lặn có thận sau.
- Xoang huyết có khả năng hấp thụ lại nước nên nước tiểu đặc để chống mất nước.

III. Thần kinh và giác quan*

- Bộ não thần lặn gồm 5 phần. Não trước, tiểu não phát triển liên quan đến đời sống và hoạt động phức tạp

- Giác quan
 - + Tai xuất hiện ống tai ngoài
 - + Mắt xuất hiện mí thứ 3

* GV yêu cầu HS: Điền vào bảng sau ý nghĩa của từng đặc điểm cấu tạo thần lặn thích nghi với đời sống ở cạn:

| Đặc điểm | Ý nghĩa thích nghi |
|---|--------------------|
| 1. Xuất hiện xương sườn cùng xương mỏ ác tạo thành lồng ngực. 2. Ruột già có khả năng hấp thụ lại nước. 3. Phổi có nhiều vách ngăn. 4. Tâm thất xuất hiện vách hụt. 5. Xoang huyết có khả năng hấp thụ nước. 6. Não trước và tiểu não phát triển | |

Tiết 42. Bài 40. ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP BÒ SÁT

I. Đa dạng của bò sát

- Lớp bò sát rất đa dạng, có số lượng loài lớn chia làm 4 bộ: Bộ đầu mỏ, bộ có vảy, bộ cá sấu và bộ rùa.
- Có lối sống và môi trường sống phong phú.

II. Các loài khủng long

Bò sát cổ hình thành cách đây khoảng 280 - 230 triệu năm.

III. Đặc điểm chung của bò sát

Bò sát là động vật có xương sống thích nghi hoàn toàn với đời sống ở cạn:

- Da khô, có vảy sừng.
- Chi yếu có vuốt sắc.
- Phổi có nhiều vách ngăn.
- Tim có vách hụt, máu pha đi nuôi cơ thể.
- Thụ tinh trong, trứng có vỏ bao bọc, giàu noãn hoàng.
- Là động vật biến nhiệt.

IV. Vai trò của bò sát

- Ích lợi:

- + Có ích cho nông nghiệp (diệt sâu bọ, diệt chuột, ...)
- + Có giá trị thực phẩm. Ví dụ: Ba ba, rùa, ...
- + Làm dược phẩm. Ví dụ: Rắn, trăn, ...
- + Sản phẩm mỹ nghệ. Ví dụ: Vây đồi mồi, da cá sấu, ...
- Tác hại: Gây độc cho người như rắn.

LỚP CHIM

Tiết 43. Bài 41. CHIM BỒ CÂU

I. Đời sống

- Đời sống
- + Sống trên cây, bay giỏi.
- + Có tập tính làm tổ.
- + Là động vật hằng nhiệt.
- Sinh sản
- + Thụ tinh trong
- + Trứng có nhiều noãn hoàng, có vỏ đá vôi.
- + Có hiện tượng ấp trứng, nuôi con bằng sữa điều.

II. Cấu tạo ngoài và di chuyển

1. Cấu tạo ngoài

- Hoàn thành bảng trong SGK tr.135.

Bảng 1: Đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu

| Đặc điểm cấu tạo ngoài | Ý nghĩa thích nghi |
|--|--|
| Thân: Hình thoi | Giảm sức cản không khí khi bay |
| Chi trước: Cánh chim | Quạt gió (động lực của sự bay), cản không khí khi hạ cánh. |
| Chi sau: 3 ngón trước, 1 ngón sau, có vuốt | Giúp chim bám chặt vào cành cây và khi hạ cánh |
| Lông ống: Có các sợi lông làm thành phiến mỏng | Làm cho cánh chim khi giang ra tạo nên một diện tích rộng |
| Lông tơ: Có các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xốp. | Giữ nhiệt, làm cơ thể nhẹ |
| Mỏ: Mỏ sừng bao lấy hàm không có răng | Làm đầu chim nhẹ |
| Cổ: Dài, khớp đầu với thân | Phát huy tác dụng của giác quan, bắt mồi, rửa lông. |

2. Di chuyển

Chim có 2 kiểu bay:

- Bay lượn.
- Bay vỗ cánh.

Tiết 44. Bài 42. QUAN SÁT BỘ XƯƠNG, MẪU MỔ CHIM BỒ CÂU

I. Quan sát bộ xương chim bồ câu

Bộ xương gồm:

- Xương đầu.
- Xương thân: Cột sống, lồng ngực
- Xương chi: Xương đai, các xương chi.

II. Quan sát các nội quan trên mẫu mổ

Hoàn thành bảng trong SGK tr.139.

Bảng: Thành phần cấu tạo của một số hệ cơ quan

| | |
|----------------|-------------------------------------|
| Các hệ cơ quan | Các thành phần cấu tạo trong các hệ |
|----------------|-------------------------------------|

| | |
|-------------|----------------------------------|
| - Tiêu hoá | - Ống tiêu hoá và tuyến tiêu hoá |
| - Hô hấp | - Khí quản, phổi, túi khí. |
| - Tuần hoàn | - Tim, hệ mạch |
| - Bài tiết | - Thận, xoang huyết |

Tiết 45. Bài 43. CẤU TẠO TRONG CỦA CHIM BÒ CÂU

I. Các cơ quan dinh dưỡng

1. Tiêu hóa

- Ống tiêu hóa phân hóa, chuyên hóa với chức năng
- Tốc độ tiêu hóa cao.

2. Tuần hoàn

- Tim 4 ngăn, có 2 vòng tuần hoàn.
- Máu nuôi cơ thể giàu oxi (máu đỏ tươi).

3. Hô hấp

- Phổi có mạng ống khí.
- Một số ống khí thông với túi khí nên bề mặt trao đổi khí rộng
- Trao đổi khí

+ Khi bay là do túi khí.

+ Khi đậu là do phổi.

4. Bài tiết và sinh dục

- Bài tiết
- + Thận sau
- + Không có bóng đái
- + Nước tiêu thải ra ngoài cùng phân
- Sinh dục:
- + Con đực có 1 đôi tinh hoàn.
- + Con cái có buồng trứng phát triển.
- + Thụ tinh trong.

II. Thần kinh và giác quan

- Bộ não phát triển:
- + Não trước lớn.
- + Tiểu não có nhiều nếp nhăn
- + Não giữa có 2 thùy thị giác.

- Giác quan:

- + Mắt tinh có mí thứ 3 mỏng
- + Tai có ống tai ngoài.

* GV yêu cầu HS:

- Trình bày đặc điểm hô hấp của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay.
- Hoàn thành bảng so sánh cấu tạo trong của chim bồ câu so với thằn lằn?

Tiết 46. Bài 44. ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP CHIM

I. Sự đa dạng của các nhóm chim

+ Lớp chim rất đa dạng: Số loài nhiều, chia làm 3 nhóm:

(+) Chim chạy.

(+) Chim bơi.

(+) Chim bay.

+ Lối sống và môi trường sống phong phú.

II. Đặc điểm chung của lớp chim

- Mình có lông vũ bao phủ.
- Chi trước biến đổi thành cánh.
- Có mỏ sừng.
- Phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia hô hấp.
- Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể.
- Trứng có vỏ đá vôi, được ấp nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ.
- Là động vật hằng nhiệt.

III. Vai trò của chim

- Lợi ích:
 - + Ăn sâu bọ và động vật gặm nhấm.
 - + Cung cấp thực phẩm.
 - + Làm chăn, đệm, đồ trang trí, làm cảnh.
 - + Huấn luyện để săn mồi, phục vụ du lịch.
 - + Giúp phát tán cây rừng.
- Có hại:
 - + Ăn hạt, quả, cá, ...
 - + Là động vật trung gian truyền bệnh.
- GV yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm sau: Những câu nào dưới đây là đúng:
 - a. Đà điểu có cấu tạo thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên và sa mạc khô nóng.
 - b. Vịt trời được xếp vào nhóm chim bơi.
 - c. Chim bồ câu có cấu tạo ngoài thích nghi với đời sống bay.
 - d. Chim cánh cụt có bộ lông dày để giữ nhiệt.
 - e. Chim cú lợn có bộ lông mềm, bay nhẹ nhàng, mắt tinh để săn mồi về đêm.

Tiết 47. Bài 45. THỰC HÀNH: XEM BẢNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CỦA CHIM

*Các em học sinh tìm một đoạn video khoảng 10 phút trở lên về 1 loài chim, lưu giữ lại và viết 1 bài luận có mở bài, thân bài, kết luận trong 1 tờ giấy đôi 4 mặt, liên quan đến loài chim có trong đoạn video về một trong các đặc điểm sau: (hs chỉ chọn một)

- + đời sống,
 - + sinh sản,
 - + cấu tạo ngoài hay trong,
 - + tập tính như bắt mồi, giành con cái, chăm sóc con...
- (ví dụ chọn 1 đặc điểm sinh sản thì chỉ viết về sinh sản như con đực có màu lông khác con cái như thế nào, thời gian sinh sản là mùa nào..... theo đoạn video mình chọn, không cần nói cấu tạo ngoài như lông có đặc điểm ra sao. Chỉ tập trung làm 1 đặc điểm).
- Bài này sẽ nộp khi đi học trở lại cùng đoạn video (có thể nộp link video). Bài luận hay, sạch và chữ rõ sẽ được lưu giữ làm sản phẩm học tập.

**CHÚC CÁC EM KHOẺ MẠNH VÀ LUÔN TÌM THẤY CÁCH HỌC TẬP PHÙ HỢP
TRONG MÙA DỊCH BỆNH.**